

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính 2		
Mã học phần:	71ACCT30103	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30103_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	
	<i>Chỉ sử dụng tài liệu giấy</i>		

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (***nén lại và đặt mật khẩu file nén***) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).
 - Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Giải thích cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán doanh nghiệp sản xuất, thương mại, cung cấp dịch vụ; Các giao dịch ngoại tệ; Các khoản phải thu, phải trả nội bộ; Hoạt động xây lắp và xây dựng cơ bản.	Trắc nghiệm	24%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 Câu 5 Câu 6	0,4 0,4 0,4 0,4 0,4 0,4	PLO1/PI1.1
CLO2	Trình bày các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính liên quan đến kế toán doanh nghiệp sản xuất, thương mại, cung cấp dịch vụ; Các giao dịch ngoại tệ; Các khoản phải thu, phải trả nội bộ; Hoạt động xây lắp và xây dựng cơ bản.	Trắc nghiệm	8%	Câu 7 Câu 8	0,4 0,4	PLO2/PI2.1
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán doanh nghiệp sản xuất, thương mại, cung cấp dịch vụ; Các giao dịch ngoại tệ; Các khoản phải thu, phải trả nội bộ; Hoạt động xây lắp và xây dựng cơ bản một cách thành thạo.	Tự luận	60%	1 bài	6,0	PLO8/PI8.1
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình	Trắc nghiệm	8%	Câu9 Câu10	0,4 0,4	PLO9/PI9.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
	huống nêu ra trong học phần.					

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 câu x 0,4 điểm)

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 1a@C1-CLO1-L2

Tại đơn vị sản xuất đồ gia dụng áp dụng quản lý kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, trong kỳ công ty xuất nhôm đưa vào sản xuất có trị giá 100.000.000đ. Cuối kỳ số nhôm dùng không hết để lại tại xưởng 18.800.000đ được kế toán ghi:

A. Nợ TK 621 (18.800.000) Có TK 152 (18.800.000)	B. Nợ TK 152 18.800.000 Có TK 621 18.800.000
C. Nợ TK 621 (18.800.000) Có TK 611 (18.800.000)	D. Nợ TK 154 18.800.000 Có TK 152 18.800.000

ANSWER: A

Câu 1b@C1-CLO1-L2

Tại đơn vị sản xuất đồ gia dụng áp dụng quản lý kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, đầu kỳ số nhôm dùng không hết để lại tại xưởng 18.800.000đ ở kỳ trước đưa vào sản xuất được kế toán ghi:

A. Nợ TK 621 18.800.000 Có TK 152 18.800.000	B. Nợ TK 152 18.800.000 Có TK 621 18.800.000
C. Nợ TK 621 (18.800.000) Có TK 611 (18.800.000)	D. Nợ TK 621 (18.800.000) Có TK 152 (18.800.000)

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 2a@C2-CLO1-L2

Ngày 01/6/N, công ty chuyển khoản trả nợ vay ngân hàng 11.000 USD trong đó lãi vay là 1.000 USD còn lại là nợ gốc vay. Biết số dư TK1122: 357.750.000 VND (15.000 USD); TK 3411: 240.000.000 VND (10.000 USD), Tỷ giá giao dịch thực tế mua - bán: 23.950 VND/USD – 24.050 VND/USD

A. Nợ TK 635 23.950.000 Nợ TK 3411 240.000.000 Có TK 1122 . 262.350.000 Có TK 515 1.600.000	B. Nợ TK 635 . 23.850.000 Nợ TK 3411 240.000.000 Có TK 1122 262.350.000 Có TK 515 . 1.500.000
C. Nợ TK 635 24.050.000 Nợ TK 3411 240.500.000 Có TK 1122 262.350.000 Có TK 515 . 2.200.000	D. Nợ TK 635 23.950.000 Nợ TK 3411 239.500.000 Có TK 1122 262.350.000 Có TK 515 1.100.000

ANSWER: A

Câu 2b@C2-CLO1-L2

Ngày 01/6/N, công ty chuyển khoản trả nợ vay ngân hàng 11.000 USD trong đó lãi vay là 1.000 USD còn lại là nợ gốc vay. Biết số dư TK1122: 357.750.000 VND (15.000 USD); TK 3411: 240.500.000 VND (10.000 USD), Tỷ giá giao dịch thực tế (TGGDTT) mua: 23.750 VND/USD, TGGDTT bán: 24.000 VND/USD

A. Nợ TK 635 . 23.750.000 Nợ TK 3411 240.500.000 Có TK 1122_VCB 262.350.000 Có TK 515 . 1.900.000	B. Nợ TK 635 . 24.000.000 Nợ TK 3411 240.500.000 Có TK 1122_VCB 262.350.000 Có TK 515 . 2.150.000
C. Nợ TK 635 24.050.000 Nợ TK 3411 240.500.000 Có TK 1122_VCB 262.350.000 Có TK 515 . 2.200.000	D. Nợ TK 635 23.750.000 Nợ TK 3411 240.000.000 Có TK 1122_VCB 262.350.000 Có TK 515 1.400.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 3a@C2-CLO1-L2

Công ty A xuất khẩu hàng hóa theo phương thức xuất khẩu ủy thác, phí hoa hồng ủy thác thanh toán cho bên nhận ủy thác là 13.200.000đ bằng tiền mặt được kế toán bên giao ủy thác hạch toán:

- A. Nợ TK 641: 13.200.000/Có TK 1111: 13.200.000
- B. Nợ TK 632: 13.200.000/Có TK 1111: 13.200.000
- C. Nợ TK 642: 13.200.000/Có TK 1111: 13.200.000
- D. Nợ TK 156: 13.200.000/Có TK 1111: 13.200.000

ANSWER: A

Câu 3b@C2-CLO1-L2

Công ty A xuất khẩu hàng hóa theo phương thức xuất khẩu ủy thác, phí hoa hồng ủy thác thanh toán cho bên nhận ủy thác là 13.200.000đ bằng tiền mặt, được kế toán bên nhận ủy thác hạch toán:

- A. Nợ TK 1111: 13.200.000/Có TK 511: 13.200.000
- B. Nợ TK 632: 13.200.000/Có TK 1111: 13.200.000
- C. Nợ TK 641: 13.200.000/Có TK 1111: 13.200.000
- D. Nợ TK 156: 13.200.000/Có TK 1111: 13.200.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 4a@C3-CLO1_L2

Ngày 01/9/N, Công ty X cấp vốn cho chi nhánh X1 (đơn vị trực thuộc ghi nhận vốn đầu tư chủ sở hữu) một tài sản cố định có nguyên giá 300.000.000đ, hao mòn lũy kế 70.000.000đ và công ty đã chi tiền mặt thanh toán hộ chi phí vận chuyển tài sản cho X1 là 550.000đ trong đó thuế GTGT là 50.000. Hỏi Kế toán tại công ty X ghi nhận nghiệp vụ thanh toán hộ cho X1 như thế nào? Biết rằng X1 là đơn vị hạch toán phụ thuộc và không có tư cách pháp nhân.

A. Nợ TK 1368X1: 550.000 Có TK 1111: 550.000	B. Nợ TK 1361X1: 230.000.000 Nợ TK 2141: 70.000.000 Có TK211: 300.000.000
C. Nợ TK 1368X1: 500.000 Nợ TK 133: 50.000 Có TK 3368X: 550.000	D. Nợ TK 211: 300.000.000 Có TK 214: 70.000.000 Có TK 411: 230.000.000

ANSWER: A

Câu 4b@C3-CLO1-L2

Ngày 01/9/N, Công ty X cấp vốn cho xí nghiệp sản xuất X1 (đơn vị trực thuộc ghi nhận vốn đầu tư chủ sở hữu) một tài sản cố định có nguyên giá 300.000.000đ, hao mòn lũy kế 70.000.000đ và công ty đã chi tiền mặt thanh toán hộ chi phí vận chuyển tài sản cho X1 là 550.000đ trong đó thuế GTGT là 50.000. Hỏi Kế toán tại công ty X1 ghi nhận nghiệp vụ được X thanh toán hộ như thế nào? Biết rằng X1 là đơn vị hạch toán phụ thuộc và không có tư cách pháp nhân.

A. Nợ TK 627: 500.000 Nợ TK 133: 50.000 Có TK 1111: 550.000	B. Nợ TK 1361X1: 230.000.000 Nợ TK 2141: 70.000.000 Có TK211: 300.000.000
C. Nợ TK 1368X1: 550.000 Có TK 1111: 550.000	D. Nợ TK 211: 300.000.000 Có TK 214: 70.000.000 Có TK 411: 230.000.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 5a @C4-CLO1-L2**

Công ty xây lắp A chuyển khoản 15.400.000 đồng, đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT (được khấu trừ) mua nhiên liệu về đưa vào dùng cho máy thi công, biết công ty có tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công. Kế toán hạch toán nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 621: 14.000.000 Nợ TK 133: 1.400.000 Có TK 112: 15.400.000	B. Nợ TK 627: 14.000.000 Nợ TK 133: 1.400.000 Có TK 112: 15.400.000
C. Nợ TK 623: 14.000.000 Nợ TK 133: 1.400.000 Có TK 112: 15.400.000	D. Nợ TK 154: 14.000.000 Nợ TK 133: 1.400.000 Có TK 112: 15.400.000

ANSWER: A

Câu 5b@C4-CLO1-L2

Công ty xây lắp A chuyển khoản 16.500.000 đồng, đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT (được khấu trừ) mua nhiên liệu về đưa vào dùng cho máy thi công, biết công ty có tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công. Kế toán hạch toán nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 621: 15.000.000 Nợ TK 133: 1.500.000 Có TK 112: 16.500.000	B. Nợ TK 627: 15.000.000 Nợ TK 133: 1.500.000 Có TK 112: 16.500.000
C. Nợ TK 623: 15.000.000 Nợ TK 133: 1.500.000 Có TK 112: 16.500.000	D. Nợ TK 154: 15.000.000 Nợ TK 133: 1.500.000 Có TK 112: 16.500.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 6a@C4-CLO1-L2**

Tháng 12 năm N, công ty xây dựng Nhà Phố phải thanh toán tiền thuê công ty ABC thực hiện bảo hành công trình cho khách hàng Q là **154.000.000đ**, trong đó thuế GTGT được

khấu trừ là 14.000.000đ. Biết công ty đã trích lập dự phòng bảo hành cho công trình này là 120.000.000đ, kế toán ghi:

A. Nợ TK 3522: 120.000.000 Nợ TK 632: 20.000.000 Nợ TK 1331: 14.000.000 Có TK 331ABC: 154.000.000	B. Nợ TK 3522: 120.000.000 Nợ TK 2412: 20.000.000 Nợ TK 1331: 14.000.000 Có TK 331ABC: 154.000.000
C. Nợ TK 3522: 120.000.000 Nợ TK 627: 20.000.000 Nợ TK 1331: 14.000.000 Có TK 331ABC: 154.000.000	D. Nợ TK 3522: 120.000.000 Nợ TK 811: 20.000.000 Nợ TK 1331: 14.000.000 Có TK 331ABC: 154.000.000

ANSWER: A

Câu 6b@C4 -CLO1-L2

Tháng 12 năm N, công ty xây dựng Nhà Phố phải thanh toán tiền thuê công ty ABC thực hiện bảo hành công trình cho khách hàng Q là **165.000.000đ**, trong đó thuế GTGT 10% được khấu trừ. Biết công ty đã trích lập dự phòng bảo hành cho công trình này là 125.000.000đ, kế toán ghi:

A. Nợ TK 3522: 125.000.000 Nợ TK 632: 25.000.000 Nợ TK 1331: 15.000.000 Có TK 331ABC: 165.000.000	B. Nợ TK 3522: 125.000.000 Nợ TK 2412: 25.000.000 Nợ TK 1331: 15.000.000 Có TK 331ABC: 165.000.000
C. Nợ TK 3522: 125.000.000 Nợ TK 627: 25.000.000 Nợ TK 1331: 15.000.000 Có TK 331ABC: 165.000.000	D. Nợ TK 3522: 125.000.000 Nợ TK 811: 25.000.000 Nợ TK 1331: 15.000.000 Có TK 331ABC: 165.000.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 7a@C1-CLO2-L2

Trích các sổ TK 511 và TK 911 trong năm N tại công ty X: (Đơn vị tính: 1.000 đồng)

TK 911		TK 511	
(632) 850.000	1.200.000 (911)	(3333) 160.000	800.000 (131)
(641) 45.000	120.000 (515)	(5213) 40.000	400.000 (112)
(642) 60.000			200.000 (111)
(811) 20.000		(911) 1.200.000	
...			
...	1.320.000	1.400.000	1.400.000

Hỏi chỉ tiêu lợi nhuận gộp về bán hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là:

- A. 350.000
- B. 245.000
- C. 470.000
- D. 365.000

ANSWER: A

Câu 7b@C1-CLO2-L2

Trích các sổ TK 511 và TK 911 trong năm N tại công ty X: (Đơn vị tính: 1.000 đồng)

TK 911		TK 511	
(632) 750.000	1.200.000 (911)	(3333) 160.000	800.000 (131)
(641) 45.000	120.000 (515)	(5213) 40.000	400.000 (112)
(642) 60.000			200.000 (111)
(811) 20.000		(911) 1.200.000	
...			
...	1.320.000	1.400.000	1.400.000

Hỏi chỉ tiêu lợi nhuận gộp về bán hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là:

- A. 450.000
- B. 345.000
- C. 570.000
- D. 465.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 8a@C1-CLO2 -L2**

Tình hình hoạt động khác tại công ty Q như sau: Tổng thu nhập khác phát sinh là 250.000.000đ, trong đó gồm 200.000.000đ là tiền thu thanh lý tài sản cố định, còn lại thu do được bồi thường hợp đồng. Chi phí khác trong kỳ là 260.000.000đ, gồm 220.000.000đ là chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý, còn lại tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng. Kế toán phản ánh các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động này trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- A. Thu nhập khác: 50.000.000đ; Chi phí khác: 60.000.000đ và Lợi nhuận khác: (10.000.000)đ
- B. Thu nhập khác: 250.000.000đ; Chi phí khác: 260.000.000đ và Lợi nhuận : (10.000.000)đ
- C. Thu nhập khác: 50.000.000đ; Chi phí khác: 60.000.000đ
- D. Thu nhập khác: 250.000.000đ; Chi phí khác: 260.000.000đ

ANSWER: A

Câu 8b@C1-CLO2 -L2

Tình hình hoạt động khác tại công ty Q như sau: Tổng thu nhập khác phát sinh là 250.000.000đ, trong đó gồm 200.000.000đ là tiền thu thanh lý tài sản cố định, còn lại thu do được bồi thường hợp đồng. Chi phí khác trong kỳ là 240.000.000đ, gồm 200.000.000đ là chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý, còn lại tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng. Kế toán phản ánh các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động này trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- A. Thu nhập khác: 50.000.000đ; Chi phí khác: 40.000.000đ và Lợi nhuận khác: 10.000.000đ
- B. Thu nhập khác: 250.000.000đ; Chi phí khác: 240.000.000đ và Lợi nhuận : 10.000.000đ
- C. Thu nhập khác: 50.000.000đ; Chi phí khác: 40.000.000đ
- D. Thu nhập khác: 250.000.000đ; Chi phí khác: 240.000.000đ

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 9a @C4-CLO2 -L2**

Trường hợp nào sau đây kế toán ghi: Nợ TK 2412/Có TK 331

- A. Công ty mua chưa thanh toán thiết bị không cần lắp chuyển thẳng đến công trình nhà xưởng của công ty đang được xây dựng
- B. Công ty mua vật tư chưa thanh toán đưa vào công trình xây dựng nhà kho cho khách hàng.
- C. Công ty phải thanh toán chi phí sửa chữa tài sản cố định
- D. Không có đáp án nào đúng

ANSWER: A

Câu 9b @C4-CLO2 – L2

Trường hợp nào sau đây, khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán không hạch toán vào sổ sách kế toán.

- A. Đại lý nhận hàng công ty ký gửi để bán
- B. Công ty xuất kho hàng hoá ký gửi đại lý
- C. Công ty xuất kho bán hàng
- D. Đại lý bán được hàng công ty gửi nhưng chưa thu tiền

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 10a@C4-CLO5 -L2

Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, chi phí bảo quản thực phẩm đông lạnh tại các cửa hàng Bách Hoá Xanh sẽ được hạch toán vào tài khoản:

- A. TK 641
- B. TK 1562
- C. TK 152
- D. Không có đáp án nào đúng

ANSWER: A

Câu 10b@C4-CLO5 – L2

Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành thì chi phí bảo quản hải sản tươi sống tại công ty sản xuất đồ cá đóng hộp sẽ được hạch toán vào tài khoản:

- A. TK 152
- B. TK 1562
- C. TK 641
- D. Không có đáp án nào đúng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Trích tài liệu kế toán tại công ty xuất nhập khẩu M, như sau:

➤ **Tài liệu 1** - Các chính sách được áp dụng tại đơn vị:

- Kỳ kế toán tháng;
- Đơn vị tiền tệ kế toán: VND;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Sử dụng phương pháp nhập trước xuất trước trong việc tính giá xuất kho;
- Kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ;
- Trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng;
- Tổ chức công tác kế toán cho nhà máy M1, M2 (2 đơn vị trực thuộc) được ghi nhận tình hình tài sản và nguồn vốn, không phân cấp ghi nhận doanh thu.

➤ **Tài liệu 2** - Tình hình tài chính vào ngày 01/4/N của công ty M: (Đơn vị tính: đồng)

Tài khoản	SDDK	Chi tiết
TK 1122	480.000.000	20.000 USD
TK 157.X	200.000.000	5.000 sản phẩm X đang chờ thông quan.
TK 331W	238.000.000	10.000 USD phải trả cho nhà cung cấp W

Các tài khoản khác có số dư hợp lý, công ty đang trong thời kỳ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Tài liệu 3** - Trích nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 4/N tại công ty:

(1) Ngày 5/4/N, công ty chuyển khoản 10.000 USD cấp bổ sung vốn cho đơn vị M1. Biết tỷ giá giao dịch thực tế (TGGDĐT) mua 24.010 VND/USD, bán 24.440 VND/USD. Cùng ngày, công ty nhận thông báo từ đơn vị M1 đã điều chuyển 1 máy đóng gói có nguyên giá 60.000.000 VND, đã khấu hao 30% sang đơn vị M2.

(2) Ngày 7/4/N, công ty chuyển khoản 5.000 USD thanh toán tiền cho nhà cung cấp W. Phí chuyển khoản được trừ thẳng vào tài khoản ngân hàng là 55 USD (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Biết TGGDĐT mua 24.650 VND/USD, bán: 24.950 VND/USD.

(3) Ngày 12/4/N, hoàn thành thủ tục thông quan cho 5000 sản phẩm X xuất khẩu theo giá FOB_cảng Sài Gòn là 13.000 USD, thuế suất thuế XK 10% chưa thu tiền công ty H&H. Chi phí vận chuyển và bốc dỡ hàng lên boong tàu là 2.530.000đ, đã bao gồm thuế GTGT 10%, được công ty thanh toán bằng tiền mặt. Biết TGGDĐT mua 24.050 VND/USD, bán: 24.450 VND/USD, tỷ giá tính thuế của Hải quan là 24.460 VND/USD.

(4) Ngày 18/4/N, công ty quyết định xuất kho 1 lô hàng hoá K có giá xuất kho là 20.000.000 VND, giá bán chưa thuế là 25.000.000 VND, thuế suất thuế GTGT 10% chi trả thưởng cho nhân viên bán hàng. Biết khoản thưởng này được công ty sử dụng từ quỹ khen thưởng.

(5) Ngày 28/4/N, kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty M trong tháng 4/N

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp B trong tháng 4/N (6,0 điểm) (Lưu ý: sinh viên phải trình bày cách tính toán (nếu có), trường hợp sinh viên không trình bày chỉ đạt 50% số điểm yêu cầu).

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1	A	0.4	
Câu 2	A	0.4	
Câu 3	A	0.4	
Câu 4	A	0.4	
Câu 5	A	0.4	
Câu 6	A	0.4	
Câu 7	A	0.4	
Câu 8	A	0.4	
Câu 9	A	0.4	
Câu 10	A	0.4	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
II. Tự luận bài TL1		6.0	
(1)	+ Chuyển khoản cấp vốn (0,5 điểm) Nợ 1361M1 240.100.000 (a1) Có 1122 240.000.000 (a2) Có TK 515 100.000 (a1): 10.000 *24.010 (a2): 480.000.000/20.000*10.000	0.5	
	M1 điều chuyển TSCĐ cho M2 Nợ 1361M2 42.000.000 Có 1361M1 42.000.000(b) (b): 60.000.000*70%	0.5	
(2)	+ Thanh toán nợ nhà cung cấp Nợ 331_W 119.000.000 (b1) Nợ 635 1.000.000 Có TK 1122 120.000.000 (b2) (b1): 238.000.000/10.000*5.000 (b2):(5.000 x 240.000.000/10.000)	0.5	
	+ Phí chuyển khoản Nợ 6427 1.200.500 (b3) Nợ 1331 120.050 Có 1122 1.320.000 (b4) Có TK 515 550 (b1) (55USD/(1+10%)*24.010 (b2)120.000.000 /5.000*55	0.5	
(3)	+ Xuất kho xuất khẩu (0,5 điểm) Nợ TK 632 200.000.000 Có 157.X 200.000.000	0.5	
	+ DT xuất khẩu (0,5 điểm) Nợ TK 131_H&H 312.650.000 (c1) Có TK 5111 280.852.000 Có TK 3333 31.798.000 (c2) (c1) [24.050 * 13.000] (c2): 24.460*13.000*10%	0.5	
(3)	+ Chi phí vận chuyển bốc dỡ hàng xuất khẩu Nợ TK 6417 2.300.000 (c3) Nợ TK 1331 230.000 Có TK 1111 2.530.000 (c3): 2.530.000/(1+10%)	0.5	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
(4)	Xuất kho vật liệu chi trả thường Nợ 632 20.000.000 Có 156 20.000.000	0.5	
	Doanh thu Nợ 3531 27.500.000 Có 511 25.000.000 Có 33311 2.500.000	0.5	
(5)	Kết chuyển doanh thu Nợ 511 305.852.000 (d1) Nợ 515 (d2) Có 911 305.852.000 (d1) 280.852.000+25.000.000 (d2) 100.000+550	0.5	
(5c)	Kết chuyển chi phí Nợ 911 224.500.500 Có 635 1.000.000 Có 642. 1.200.500 Có 632 220.000.000 (d3) Có 641. 2.300.000 (d3) 200.000.000+20.000.000	0.5	
	Kết chuyển lãi Nợ 911 81.351.500 Có 421 81.351.500	0,5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



Lê Ngọc Anh